

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 10 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Duyên Hà
2. Ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị H - sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn V, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Kiên C - sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn V, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt chị H, Anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày: Chị và Anh Đinh Kiên C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 02/3/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường xuyên rượu chè về đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị. Mâu thuẫn càng tăng vào đầu năm 2017, anh C thường xuyên đánh đập, chửi bới chị, không cho chị đi làm, thậm chí trên đường chị đi làm anh C còn chặn đường đánh chị, chị không chịu được nữa nên đã về nhà bố mẹ để ở từ 18/8/2017 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn

của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, chính quyền, đoàn thể địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Kiên C.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Đinh Bảo A, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Đinh Phú H1, sinh ngày 05/8/2013. Hiện nay cháu Bảo A đang ở cùng với Anh C, còn cháu Phú H1 đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn anh Đinh Kiên C trình bày: Về thời điểm kết hôn, thủ tục kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh nhất trí với phần trình bày của chị H. Tuy nhiên nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng còn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã với nhau, bản thân anh cũng có lúc nóng nảy nên đã đánh chị H vài lần. Tháng 8 năm 2017 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh có đến thăm con vài lần song vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được, chính quyền địa phương đã hòa giải cũng không có kết quả. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vẫn còn, nên mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị H đã trình bày là đúng. Hiện nay cháu Bảo A đang ở cùng với anh nhưng do bố mẹ đẻ anh nuôi dưỡng chăm sóc, còn cháu Phú H1 đang ở cùng với chị H. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung anh nhất trí, vì hiện nay anh đang ốm nên việc chăm sóc con chung sẽ gặp khó khăn. Anh C nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Các đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị H: Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị H với anh Đinh Kiên C. Về con chung: Giao cháu

Đình Bảo A, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Đình Phú H1, sinh ngày 05/8/2013 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn các bên đương sự không đề nghị giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị H có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thôn V, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về hôn nhân:

Chị Trịnh Thị H và anh Đình Kiên C kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TL cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống H phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C thường xuyên uống rượu không làm chủ được bản thân, sau đó đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị H nhiều lần, ngay cả khi chị H đi làm anh C cũng đón đường để đánh đập chị H, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tinh thần của chị H. Gia đình, họ hàng anh C đã khuyên bảo anh C nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Trong cuộc sống vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, không còn tôn trọng nhau nữa. Bản thân anh C cũng xác định từ tháng 8 năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc giải quyết ly hôn là giải pháp để giải thoát cho chị H khỏi bạo lực gia đình. Do vậy cần xử ly hôn giữa chị H và anh C là phù hợp với thực tế và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh C có hai con chung là cháu Đình Bảo A, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Đình Phú H1, sinh ngày 05/8/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Bảo A ở cùng với anh C nhưng do bố mẹ đẻ anh C nuôi dưỡng chăm sóc là chủ yếu, còn cháu Phú H1 ở cùng với chị H. Tại phiên tòa hôm nay chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hiện tại thu nhập hàng tháng của chị khoảng 8.000.000 đồng nên chị sẽ có khả năng chăm sóc các con chung tốt hơn. Anh Đình Kiên C xác định hiện nay anh đang có bệnh trong người phải điều trị và không có thu nhập, cuộc sống hàng ngày dựa vào bố mẹ đẻ anh, nay

chị H có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung anh nhất trí, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy khi ly hôn cháu Bảo A và cháu Phú H1 còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác hiện tại anh C đang ốm đau, lại không có công ăn việc làm, không có nguồn thu nhập, chị H có sức khỏe, có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng. Do vậy để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các con chung, nên giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc như nguyện vọng của chị H và anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H và anh C không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H và anh C có trách nhiệm nộp án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Đinh Kiên C.

2. Về con chung:

Giao cho chị Trịnh Thị H có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đinh Bảo A, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Đinh Phú H1, sinh ngày 05/8/2013, anh Đinh Kiên C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.000.000 đồng/01 tháng cho cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), chị H được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL theo biên lai số 04243 ngày 02/10/2017. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh Đinh Kiên C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã LC, huyện TL;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên